UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

SỐ: 182 QĐ-UB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

Lai châu, ngày 15 tháng 02 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH LAI CHÂU

V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Thị xã Lai châu - Tỉnh Lai Châu

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ban hành ngày 10/12/2003, quy định nhiệm vụ, quyền hạn của UBND các cấp.

- Căn cứ Nghị định số 91/CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ ban hành điều lệ quản lý quy hoạch đô thị.

- Căn cứ Nghị định số: 72/2001/NĐ-CP, ngày 05/10/2001 của Chính phủ, V/v phân loại đô thị và phân cấp quản lý đô thị.

- Căn cứ Quyết định số 322/BXD - ĐT ngày 28/12/1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, V/v ban hành quy định lập các đồ án quy hoạch xây dựng đô thị.

- Căn cứ Thông tư số 25 - BXD / KTQH ngày 22/8/1995 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xét duyệt đồ án quy hoạch xây dựng đô thị.

- Xét tờ trình số: 04/T.T - XD , ngày 19 tháng 01 năm 2005, của Sở Xây Dựng Tỉnh Lai Châu , V/v xin phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp – Tỉnh Lai Châu và văn bản Thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết Cụm Công nghiệp Thị xã Lai châu - Tỉnh Lai Châu số: 12 / XD-QH, ngày 19/ 01/ 2005 của Sở Xây dựng Tỉnh Lai Châu.

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU I: Phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết Cụm Công nghiệp Thị xã Lai Châu - Tỉnh Lai Châu :

1/ Tên công trình: Đồ án quy hoạch chi tiết Cụm Công nghiệp Thị xã Lai châu - tỉnh Lai Châu.

2/ Tính chất, quy mô, vị trí địa lý.

2.1/ Tính chất

1- Là cụm công nghiệp tập trung của tỉnh, thu hút và đào tạo nguồn lao động dồi dào đồng thời tạo thêm nhiều công việc cho nhân dân trong

vùng và lân cận . Tạo điều kiện và nội lực cho các doanh nghiệp tham gia đầu tư .

2- Là trung tâm phát triển kinh tế, trung tâm kinh tế thương mại trao đổi hàng hoá, hợp tác kinh tế giữa các nhà đầu tư.

3- Với Cụm Công nghiệp là một trong những trung tâm sản xuất hàng hoá và hợp tác kinh tế giữa các nhà đầu tư , giữa các Tỉnh thành phố trong cả nước với góp phần giao lưu kinh tế và văn hoá thúc đẩy phát triển kinh tế phát triển , sẽ là hạt nhân kích thích sự phát triển kinh tế của tỉnh Lai châu .

2.2/ Phạm vi nghiên cứu quy hoạch:

+ Diện tích Quy hoạch = 50,0 Ha

Khu vực nghiên cứu nằm trong địa phận hành chính của Thị xã Lai Châu

- Phía Đông giáp xã đồi
- Phía Tây giáp đồi
- Phía Bắc giáp đồi
- Phía Nam giáp đường quy hoạch 4D mới

3/ Quy mô dân số:

1. Quy mô dân số dự báo:

a. Giai đoạn I (đến năm 2010):

- Tạo việc làm cho: 1200 người.

b. Giai đoạn II (2015):

- Tạo việc làm thêm cho : 500 người.

4/ Quy hoạch sử dụng đất đai

Cơ cấu sử dụng đất đài:

a. Giai đoạn I (đến năm 2010):

- Đất XD : 40 ha, 10 ha dự phòng.

+ Đất ở khu tập thể : 1,75ha

+ Đất cây xanh công viên: 0,26ha

+ Đất sản xuất công nghiệp nhẹ : 8,10 ha

+ Đất sản xuất công nghiệp vật liệu XD : 20,70 ha

+ Đất khu trưng bày mua bán SPchuyển giao CN : 1,89 ha

+ Đất Giao thông: 7,159 ha

+ Đất dự phòng phát triển: 6,30 ha

+ Đất ta luy , các loại đất khác 3,841 ha

b. Giai đoạn II (2015):

- Đất XD cho phát triển dùng đất dự phòng 10,0 ha.

4.1. Chọn hướng phát triển:

Xây dựng phát triển về hướng Thị thị xã dọc theo Quốc lộ 4D bao gồm khu dân cư kết hợp buôn bán, dịch vụ thương mại các công trình phúc lợi xã hội .

5. Định hướng kiến trúc và cảnh quan đô thị

a. Những yêu cầu chung:

- Bố cục không gian qui hoạch phải phù hợp với:

+ Các qui định, văn bản có liên quan của cấp có thẩm quyền.

+ Điều kiện thiên nhiên như khí hậu, gió, bão, nắng, mưa, địa chất, thuỷ văn.

+ Địa hình, cảnh quan khu vực, hạn chế tối đa việc san lấp địa hình.

- Hình khối kiến trúc các loại công trình hợp lý với công năng sử dụng, đơn giản, mỹ quan, thanh thoát, màu sắc nhẹ nhàng và phù hợp với qui hoạch chung và cảnh quan khu vực.

b/ Yêu cầu cụ thể:

+ Kiến trúc nhà ở

-Khu tập thể cần xây dựng hiện đại và đầy đủ tiện nghi tối thiểu cho nhu cầu ăn ở nghỉ ngơi của công nhân .

+ Kiến trúc các trụ sở cơ quan:

- Các trụ sở cơ quan quản lý nhà máy cần có hình khối kiến trúc cân đối hiện đại, không rườm rà.

+ Kiến trúc nhà máy : Nhà khung lắp ghép , đặc trưng của nhà công nghiệp.

7. Quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật

7.1 Định hướng san nền - thoát nước:

a/ Giải pháp san nền:

- Nền cụm công nghiệp có gắng tạo ra mặt bằng tương đối bằng phẳng để bố trí thu hút các nhà đầu tư .

- Đối với mặt bằng cạnh đường Quốc lộ 4D mặt bằng được bố trí cao hơn so với mặt đường = 0,15 m có độ dốc theo độ dốc đường khi xây dựng cần san cục bộ cho phù hợp với mỗi công trình

b/ Giải pháp thoát nước

+ *Thoát nước:* Kết hợp mạng lưới thoát nước bẩn với thoát nước mặt .

+ *Hướng thoát nước và lưu vực thoát:*

Dùng mạng lưới phân tán theo địa hình dạng nhánh cây

+ Kết cấu:

Hệ thống thoát các trục khác dùng mương BTCT nắp đan, cống qua đường là cống ly tâm BTCT, mương đón nước sườn đồi là mương hở.

c/ Giải pháp kỹ thuật khác:

- Kè, gia cố mái ta-luy các sườn đồi chống sụt lở.
- Mương đón nước xây dựng dọc theo chân ta-luy để chống sói lở.

7.2 Định hướng phát triển giao thông:

a/ Tổ chức mạng lưới đường chính được xây dựng trên cơ sở trục Quốc lộ 4D đi qua đô thị, đồng thời quy hoạch hoàn chỉnh hệ thống giao thông nội thị với nguyên tắc các tuyến đường phải tiếp cận phục vụ cho mọi công trình xây dựng, đảm bảo cung cấp tối đa hệ thống dịch vụ hạ tầng đô thị như cấp nước, thoát nước, cấp điện, thông tin, chuyển tải rác thải, dịch vụ cứu thương, cứu hoả và đi lại của nhân dân.

Độ dốc dọc của đường lấy theo tiêu chuẩn đường ô tô của Việt Nam (TCVN - 4054-85), không vượt quá 6% , đối đường trục chính , đường nội bộ độ dốc dọc không quá 8%.

b/ Các bãi đỗ xe: Xây dựng các bãi đỗ xe ở các khu vực công cộng .

THỐNG KÊ ĐƯỜNG - QUẢNG TRƯỜNG

SỐ TT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	DÀI PC (M)	MẶT ĐƯỜNG (M)	VỈA HÈ (M)	CHIỀU DÀI (KM)	DIỆN TÍCH (HA)
1	ĐƯỜNG TRỤC QUỐC LỘ 4D MẶT CẮT 1-1	-	10,5	2X5.0	0,895	1,835
3	ĐƯỜNG CHÍNH (MC 1-1)	-	10,5	2X5.0	0,559	1,146
4	ĐƯỜNG CHÍNH (MC 2-2)	-	7,5	2X 3.0	1,002	1,353
5	ĐƯỜNG PHỤ (MC 3-3)	-	5,5	2X 2.5	2,271	2,385
6	BÃI ĐỖ XE					0,44
	CỘNG					7,159

7.3 Thoát nước bẩn VSMT :

Chỉ tiêu thoát nước

- Tiêu chuẩn nước thải dài hạn 120l/người.ngày.
- Tiêu chuẩn nước thải đợt đầu 80l/người.ngày.
- Nước công cộng: 20% Qsh
- Nước thải công nghiệp 300 m3/ ngày

Vệ sinh môi trường

Tiêu chuẩn chất thải rắn cho đô thị loại 5

- Tiêu chuẩn chất thải rắn là 1,0kg/người - ngày.
- Chỉ tiêu thu gom 70% khối lượng CTR

Giải quyết phân rác: Khu dân cư phải xây dựng bể tự hoại để sử lý đảm bảo vệ sinh môi trường đô thị.

7.4 Định hướng cấp nước:

Tiêu chuẩn và nhu câu dùng nước :

Đợt I: tiêu chuẩn 120L/người/ngày.
- Nước công cộng: 20% Qsh
- Nước công nghiệp: 300 m3/ ngày
- Tổng lượng nước cấp đến năm 2010 : 550m^3/ngày đêm

7.5 Định hướng cấp điện:

a/ Nguồn điện: Nguồn điện cấp cho cụm là lưới điện Quốc gia 35 KV lấy từ thị xã Lai châu.

b/ Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

+ Tiêu chuẩn điện sinh hoạt:
  * Giai đoạn I: 280kw
  * Giai đoạn II: 500kw
  + Tiêu chuẩn CTCC: 30-50W/ m2sàn
  + Tiêu chuẩn chiếu sáng đường: 1 Cd/ m2
  * Đường chính : 1 Cd/ m^2
  * Đường khu vực : 0,6 Cd/ m^2
  * Đường khu ở : 0,4 Cd/ m^2
  * Điện khu công nghiệp : 400 kW/h (Tạm Tính)

ĐIỀU II: Giao cho UBND thị xã Lai Châu , Sở Xây dựng tỉnh Lai châu:

1. Hoàn chỉnh hồ sơ, Tổ chức công bố quy hoạch chi tiết Cụm Công nghiệp Thị xã Lai Châu để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết thực hiện.

2. Chỉ đạo việc thực hiện dự án quy hoạch xây dựng, phối hợp chặt chẽ với các Ban, Ngành trong trường hợp huy động các nguồn vốn để cải tạo, xây dựng Cụm Công nghiệp Thị xã Lai Châu theo đúng quy hoạch.

3. Hoàn chỉnh dự thảo Điều lệ quản lý xây dựng theo quy hoạch để UBND Thị xã Lai châu ban hành.

ĐIỀU III: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Các ông Chánh văn phòng HĐND-UBND Tỉnh, Giám đốc các sở Nội vụ, Xây dựng, Tài chính -Vật giá, Kế hoạch & Đầu tư ; Chủ tịch UBND thị xã Lai Châu , Thủ trưởng các Ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận :
- *Như điều 3 .*
- *TT Tỉnh uỷ (Để B/C)*
- *TT HĐND Tỉnh (Để B/C)*
- *Lưu VP*

T/M UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG TÂN PHÒNG
CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
16 -12- 2008
Số CT. 8266 Quyển 5 CTTP-HT-BC

Nguyễn Minh Quang

Vàng Thị Chính